

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 15/04/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trương Thị Hồng Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông B, sinh năm 1994 (Là chủ Hộ kinh doanh C). Địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện I, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) là: Bà K, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện I, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền ngày 10/12/2021. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Đồng bị đơn:* Ông D, sinh năm 1985 và bà Đ, sinh năm 1956. Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn N, xã O, huyện Ô, tỉnh Quảng Bình. (*Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2021 và đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022, các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) là bà K, trình bày: Vào ngày 24/05/2021, ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) và ông D, bà Đ tiến

hành ký kết Hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn nuôi tôm để ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) bán thức ăn nuôi tôm cho ông D, bà Đ; thời hạn hợp đồng kể từ ngày 24/5/2021 đến ngày 31/12/2021; hai bên thỏa thuận khi thu hoạch tôm ông D và Đ phải thông báo cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) biết ngày thu tôm để cử nhân viên xuống thu tiền hoặc ông D, bà Đ trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt tại cửa hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C). Khi thu hoạch tôm, ông D và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C). Trường hợp ông D và bà Đ nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán công nợ cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C).

Theo thỏa thuận, ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) bán cho ông D và bà Đ thức ăn nuôi tôm theo đúng đơn hàng yêu cầu của ông D và bà Đ. Quá trình giao nhận hàng hóa, hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên; cụ thể: Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) giao hàng cho ông D, bà Đ tại kho hàng theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông D, bà Đ nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng, ông D, bà Đ phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đã bán cho ông D và bà Đ 1.200kg thức ăn nuôi tôm loại tăng trọng Grobest, với tổng số tiền 52.740.000 đồng và ông D, bà Đ đã trả cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền 3.000.000 đồng nên ông D và bà Đ còn nợ ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 49.740.000 đồng.

Mặc dù, nhiều tháng liền, ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) cử nhân viên liên hệ và xuống nhà trực tiếp làm việc đề nghị thanh toán thì ông D và bà Đ thanh toán tiền thức ăn nuôi tôm còn nợ nhưng ông D và bà Đ đều không có thiện chí hợp tác, luôn có thái độ né tránh. Từ ngày 10/7/2021 đến nay, ông B (Là Hộ kinh doanh C) chấm dứt hợp đồng mua bán với ông D và bà Đ.

Nay ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) yêu cầu ông D và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 49.740.000 đồng; không yêu cầu ông D và bà Đ trả tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày 09/12/2021 là 1.656.342 đồng và cũng như không yêu cầu ông D, bà Đ trả tiền lãi 10% từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

Bị đơn ông D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2022:
Ông D là con của bà Đ và sống chung một nhà với bà Đ. Vào ngày 24/5/2021, ông D thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán với ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C), thỏa thuận bên Hộ kinh doanh C sẽ cung cấp thức ăn nuôi tôm cho ông D; ông D được bà Đ cho 02 công tầm cây đất để nuôi tôm; thỏa thuận thu hoạch tôm xong mới thanh toán tiền mua thức ăn nuôi tôm; ông D thống nhất theo lời trình bày của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) về phương thức thanh toán, giao nhận hàng trong quá trình giao dịch mua bán. Tuy nhiên, do nuôi tôm thất bại nên ông D không thanh toán cho

ông B (Là chủ Hộ kinh doanh B). Đến ngày 09/7/2021, bà Đ có ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ dùm cho ông D và ông D cũng thừa nhận hiện nay còn nợ ông B (là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền 49.740.000 đồng. Nay ông C (Là chủ Hộ kinh doanh C) yêu cầu ông D và bà Đ thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ là 49.740.000 đồng và không yêu cầu tính lãi thì ông D đồng ý trả cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) tổng số tiền nuôi tôm còn nợ là 49.740.000 đồng nhưng ông D yêu cầu được trả số tiền còn nợ cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) mỗi tháng trả số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Tuy nhiên, ông D xác định số tiền nợ trên là nợ của ông D do bà Đ không có nuôi tôm và cũng không có ký tên vào hợp đồng mua bán nên ông D không đồng ý với việc ông B yêu cầu bà Đ cùng có nghĩa vụ với ông D thanh toán số tiền trên.

Đồng bị đơn, bà Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2022: Bà Đ xác định bà Đ là mẹ ruột của ông D, ông D sống chung một nhà với bà Đ nhưng bà Đ và ông D làm ăn riêng; bà Đ cho ông D canh tác 02 công tầm cây, đất nuôi trồng thủy sản để tự lo chi phí cho bản thân ông D. Bà Đ xác định không có ký tên vào hợp đồng mua bán đề ngày 24/5/2021 do ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) cung cấp cho Tòa án nhưng bà Đ thừa nhận ông D có ký hợp đồng mua bán đề ngày 24/5/2021 với ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) và cũng thừa nhận chữ ký “Đ” tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ do ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của bà Đ nhưng bà Đ xác định khi bà Đ ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ thì phía ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) không có thông báo nội dung cho bà Đ biết mà bà Đ ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ để xác nhận dùm nợ cho ông D. Vì vậy, bà Đ không đồng ý cùng với ông D thanh toán số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông B do đây là nợ của cá nhân ông D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) là bà K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông D, bà Đ chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông D và bà Đ thanh toán cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) tổng số tiền 49.740.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, ông D và bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) khởi kiện yêu cầu ông D và bà Đ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán ký kết ngày 24/05/2021. Đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D và bà Đ có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông D và bà Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D và bà Đ vắng mặt không rõ lý do; không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; phía người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) là bà K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông D, bà Đ và bà N.

[3] Về nội dung: Ông D thừa nhận có ký hợp đồng mua bán ngày 24/5/2021 với Hộ kinh doanh C do ông B làm chủ, nhằm mua bán thức ăn nuôi tôm. Theo điểm 1.1 Điều 1 của Hợp đồng mua bán ngày 24/5/2021, thể hiện ông D có mua của Hộ kinh doanh C các mặt hàng là thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa của Công ty LDHH thức ăn thủy sản Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản do Hộ kinh doanh C kinh doanh. Do nuôi tôm không hiệu quả nên ông D không thanh toán nợ cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C). Đến ngày 09/7/2021, bà Đ có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ xác nhận ông D còn nợ ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền 49.740.000 đồng và ông D cũng thừa nhận hiện nay còn nợ ông B (là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền 49.740.000 đồng.

[4] Việc ông D thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho ông B số tiền mua thức ăn còn nợ là 49.740.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện được đồng bị đơn ông D thừa nhận nên ông B (là chủ Hộ kinh doanh C) không phải chứng minh, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Vì vậy, cần buộc ông D có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 49.740.000 đồng cho ông B.

[5] Ông D xác định số tiền 49.740.000 đồng nêu trên là nợ riêng của ông D; không phải là nợ chung của ông D và bà Đ, vì bà Đ không có ký tên vào hợp đồng mua bán lập ngày 24/5/2021 và cũng không có trực tiếp nuôi tôm. Bà Đ thừa nhận có ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 09/7/2021; bà Đ và ông D đều thừa nhận đang sống chung một nhà. Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2022, Trưởng ấp L xác định bà Đ và ông D là mẹ con với nhau và sống chung một nhà với nhau. Điều này, phù hợp với việc bà Đ ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 09/7/2021 xác nhận có nợ của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền còn nợ 49.740.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền 49.740.000 đồng mà ông D đang còn nợ ông B là khoản nợ chung của ông D và bà Đ nên cần buộc bà Đ cùng có nghĩa vụ với ông D thanh toán số tiền còn nợ 49.740.000 đồng cho ông B.

[6] Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông B (là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ về số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày 09/12/2021 là 1.656.342 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử. Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) không yêu cầu ông D và bà Đ trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ là 49.740.000 đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trên cơ sở yêu cầu của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C), Hội đồng xét xử xét thấy việc ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ về số tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2021 đến ngày 09/12/2021 là 1.656.342 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên ông D và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) là 2.487.000 đồng (49.740.000 đồng x 5%) theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.284.908 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000800 ngày 14/01/2022 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc ông D và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho B (Là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền 49.740.000 đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đối với ông D và bà Đ về việc yêu cầu ông D và bà Đ trả cho ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) số tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2021 đến ngày 09/12/2021 là 1.656.342 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông D và bà Đ phải nộp 2.487.000 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Ông B (Là chủ Hộ kinh doanh C) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.284.908 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000800 ngày 14/01/2022 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Dương Hồng Chi